

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 71/2005/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về cơ chế quản lý, điều hành
vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm (gọi là Quỹ cho vay giải quyết việc làm) được dùng để cho vay hỗ trợ các dự án nhỏ nhằm tạo thêm việc làm, được quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Điều 2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Chương trình giải quyết việc làm và Quỹ cho vay giải quyết việc làm (sau đây gọi là Quỹ); phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ nguồn vốn, và giao chỉ tiêu thực hiện cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) và cơ quan trung ương của các tổ chức đoàn thể: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn

Lao động Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng (sau đây gọi chung là cơ quan trung ương thực hiện Chương trình).

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan trung ương thực hiện Chương trình được giao nhiệm vụ quản lý và sử dụng nguồn vốn từ Quỹ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quỹ cho vay giải quyết việc làm được đặt tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Ngân hàng Chính sách xã hội có nhiệm vụ quản lý và cho vay theo các quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và Quyết định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CHO VAY VỐN CỦA QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Điều 5. Đối tượng được vay vốn

1. Hộ kinh doanh cá thể; tổ hợp sản xuất; hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã; cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật; doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; chủ trang trại; Trung tâm Giáo dục Lao động - Xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).
2. Hộ gia đình.

Điều 6. Điều kiện được vay vốn

1. Đối với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 5:

- a) Phải có dự án vay vốn khả thi, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh, tạo việc làm mới, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;
- b) Dự án phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án;
- c) Có tài sản thế chấp, cầm cố theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng vay vốn nêu tại khoản 2 Điều 5:

- a) Phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi vay vốn thực hiện dự án;
- b) Phải đảm bảo tạo thêm tối thiểu 01 chỗ làm việc mới;
- c) Dự án phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án.

Điều 7. Vốn vay được sử dụng vào các việc sau

1. Mua sắm vật tư, máy móc, thiết bị, mở rộng nhà xưởng; phương tiện vận tải, phương tiện đánh bắt thủy hải sản, nhằm mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh.
2. Mua sắm nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Điều 8. Mức vốn, thời hạn và lãi suất vay

1. Mức vốn vay:

- a) Đối với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 5, mức vay tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án;
- b) Đối với đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 5, mức vay tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình.

2. Thời hạn vay vốn:

- a) Thời hạn tối đa 12 tháng áp dụng đối với:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Trồng cây lương thực, hoa màu có thời gian sinh trưởng dưới 12 tháng;
- Dịch vụ, kinh doanh nhỏ.

- b) Thời hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng áp dụng đối với:

- Trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây hoa màu có thời gian sinh trưởng trên 12 tháng;
- Nuôi thủy, hải sản, con đặc sản;
- Chăn nuôi gia súc sinh sản, đại gia súc lấy thịt;
- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến (nông, lâm, thổ, hải sản).

- c) Thời hạn từ trên 24 tháng đến 36 tháng áp dụng đối với:

- Chăn nuôi đại gia súc sinh sản, lấy sữa, lấy lông, lấy sừng;
- Đầu tư mua thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải thủy bộ loại vừa và nhỏ, ngư cụ nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản;
- Chăm sóc cải tạo vườn cây ăn trái, cây công nghiệp.

- d) Thời hạn từ trên 36 tháng đến 60 tháng áp dụng đối với:

Trồng mới cây ăn quả, cây nguyên liệu, cây công nghiệp dài ngày.

3. Về lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay là 0,5%/tháng; riêng các đối tượng vay vốn là người tàn tật là 0,35%/tháng. Khi lãi suất thị trường thay đổi từ 15% trở lên, Bộ trưởng Bộ Tài chính tham khảo ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh lãi suất cho vay.

Điều 9. Xây dựng dự án, thẩm định dự án và quyết định cho vay

1. Xây dựng dự án:

Các đối tượng vay vốn quy định tại Điều 5, khi có nhu cầu vay vốn phải xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn theo hướng dẫn của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc tổ chức thực hiện chương trình ở địa phương.

2. Thẩm định dự án:

Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc tổ chức thực hiện chương trình ở địa phương theo sự phân cấp của cấp trên, chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi chung là Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương) tổ chức thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng cơ quan thực hiện Chương trình các cấp ra quyết định phê duyệt các dự án vay vốn từ Quỹ.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan trung ương thực hiện Chương trình, thực hiện phân cấp cho cơ quan cấp dưới ra quyết định phê duyệt các dự án, bảo đảm nhanh chóng, thuận lợi cho các đối tượng vay vốn.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì cùng Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là liên Bộ) chịu trách nhiệm hướng dẫn việc xây dựng dự án, phân cấp thẩm định và phê duyệt dự án; quy định rõ thời hạn các cơ quan thẩm định, phê duyệt dự án phải hoàn thành công việc và trả lời đối tượng vay vốn.

Điều 10. Tổ chức chuyển vốn và giải ngân